FireAnt

CTCP CMC (HSX: CVT)

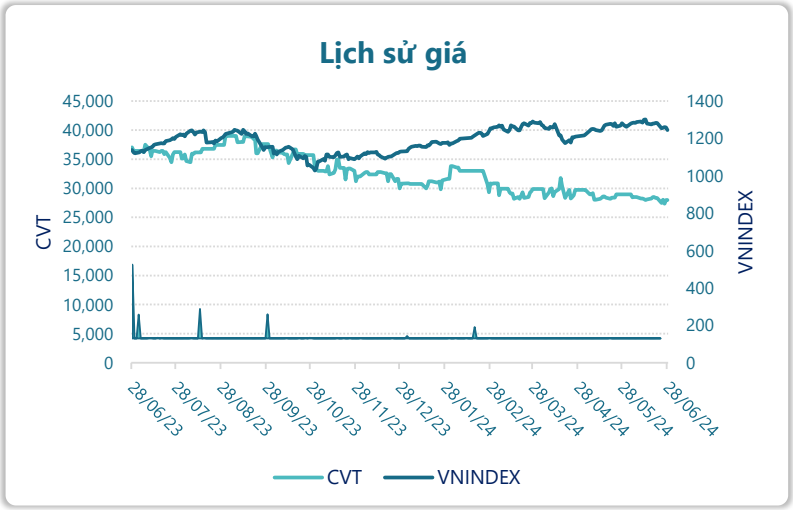

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**28,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,350
SL cổ phiếu LH	36,690,887
KLGD BQ 20 phiên (CP)	167,600
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,027
P/E	23.4
EPS	1,197

DT thuần

Q2/24

432

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 137| 46.3%

YoY: ▼66.0| -13.3%

LN sau thuế

Q2/24

22.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.80| 27.3%

YoY: ▼13.9| -38.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

15.8%

+/- YoY: ▼ 3.5%

DT thuần

6T 2024

727

tỷ VNĐ

YoY: ▼128| -15.0%

LN sau thuế

6T 2024

40.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.30| 9.0%

ROE

Q2/24

4.7%

+/- YoY: ▼ 6.7%

Kết quả kinh doanh

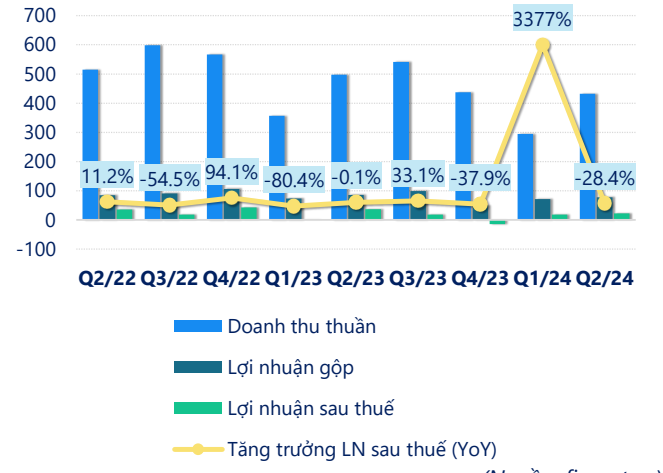

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

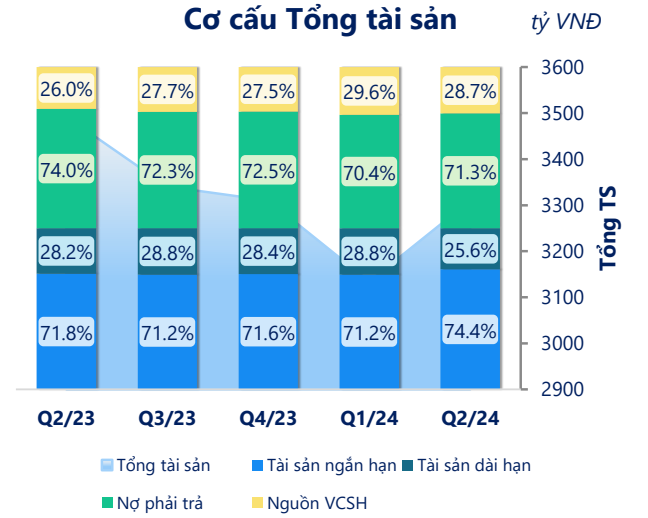

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

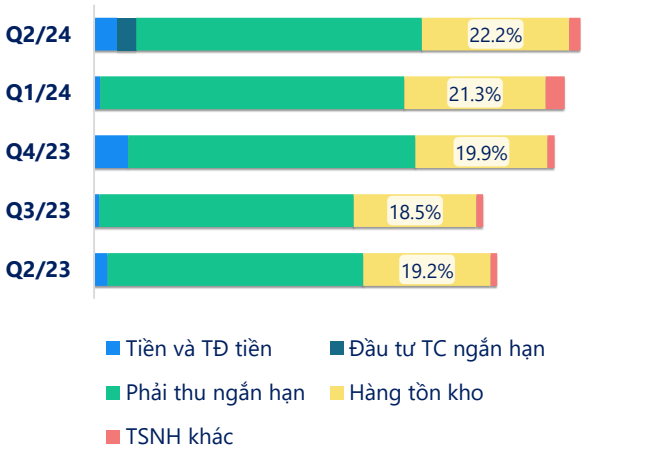

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

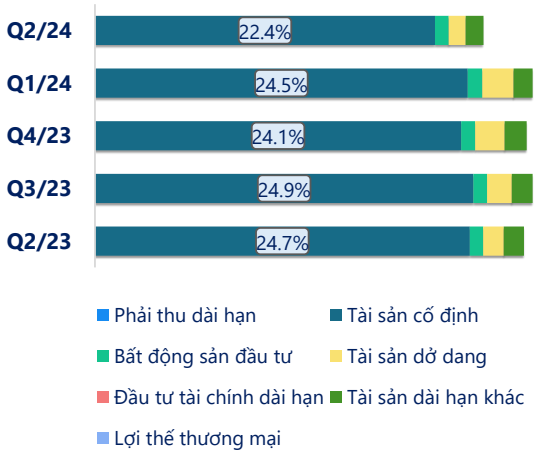

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

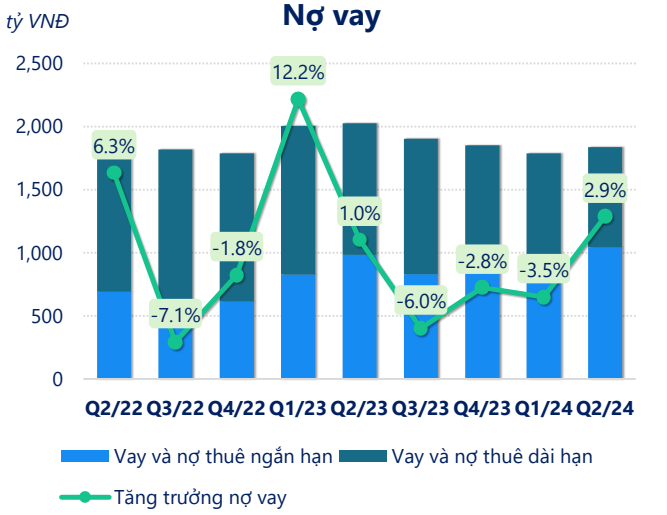

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

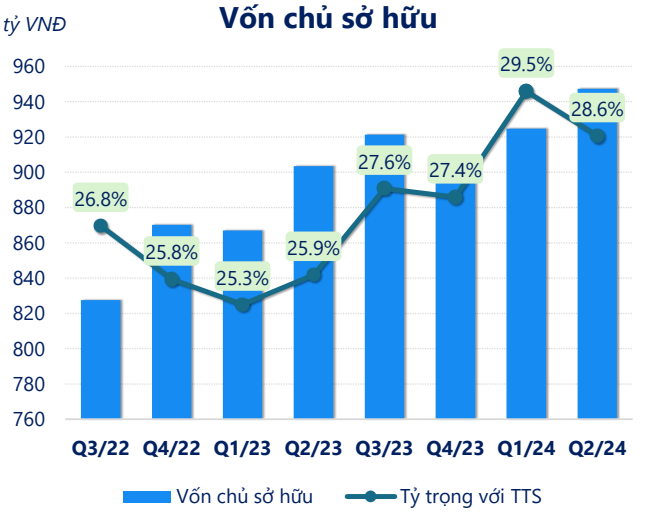

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

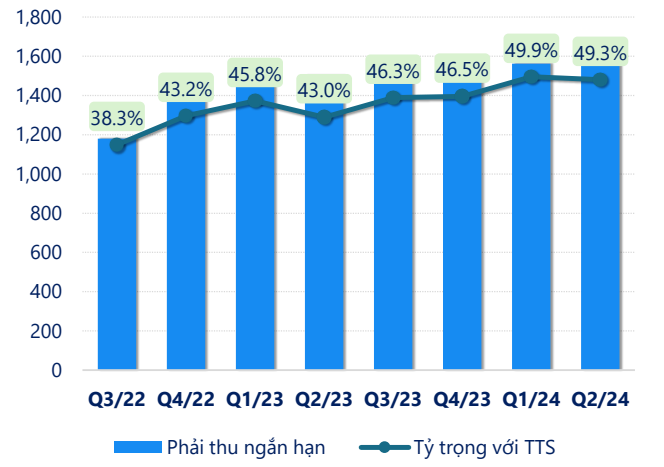

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

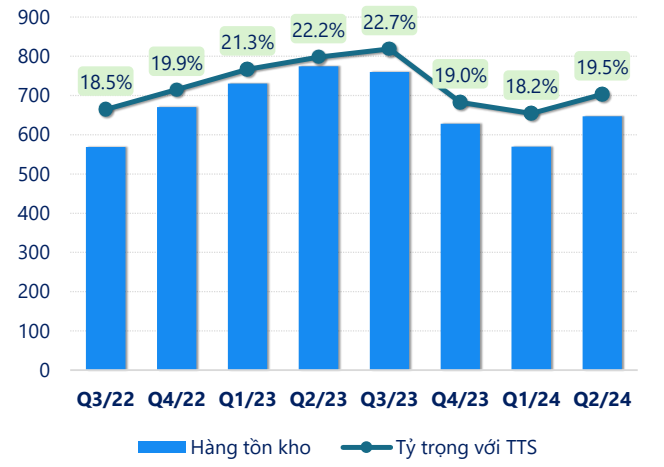

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

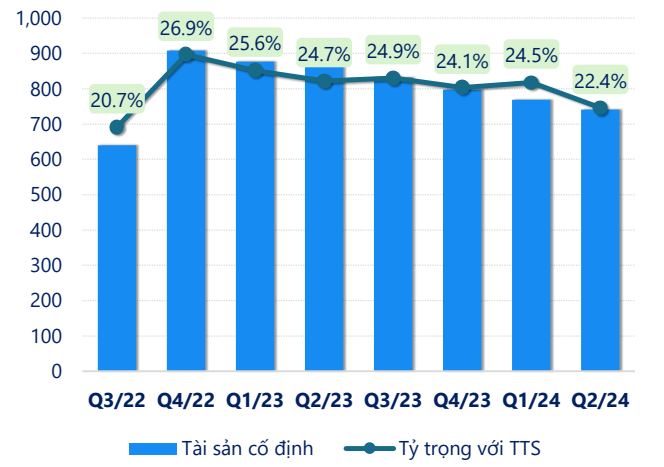

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

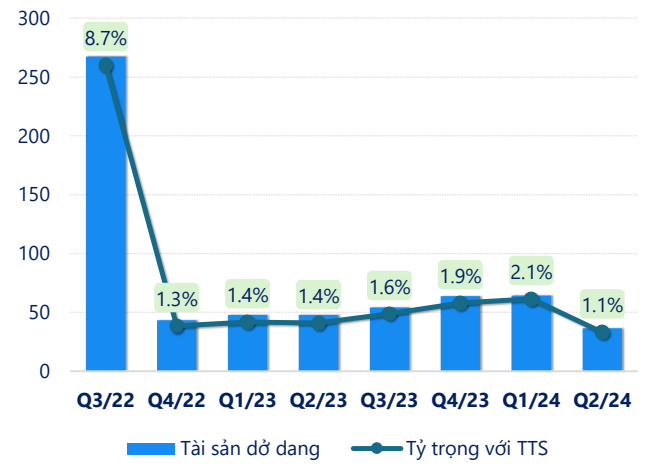

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

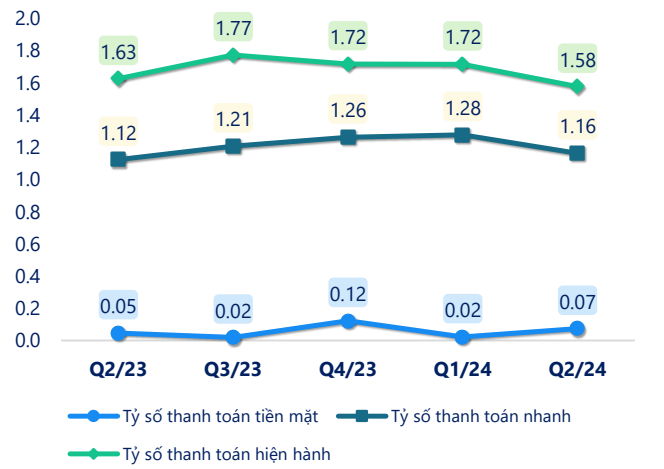

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

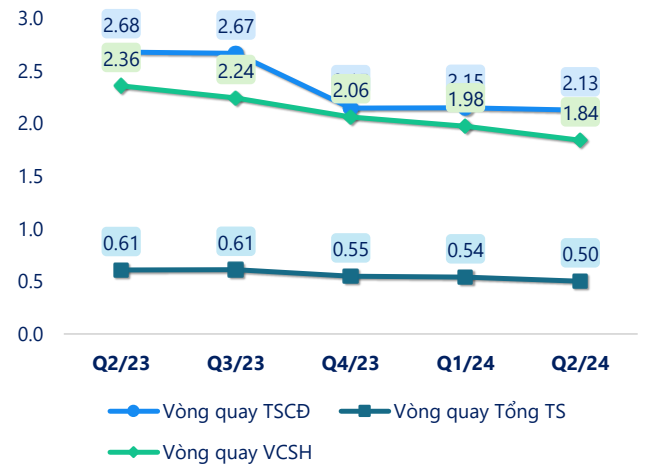

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**3,492**	**3,341**	**3,310**	**3,134**	**3,310**
Tài sản ngắn hạn	**2,506**	**2,378**	**2,370**	**2,232**	**2,463**
Tiền và tương đương tiền	71.2	25.7	169	28.5	115
Đầu tư tài chính ngắn hạn	100	0	24.8	37.6	43.6
Phải thu ngắn hạn	1,501	1,547	1,539	1,563	1,633
Hàng tồn kho	774	760	628	570	647
Tài sản ngắn hạn khác	58.8	45.7	8.63	33.2	24.5
Tài sản dài hạn	**986**	**962**	**940**	**903**	**846**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	861	832	798	769	741
Bất động sản đầu tư	30.7	30.2	30.7	30.1	30.1
Tài sản dở dang	47.7	54.3	63.9	64.3	36.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	46.6	45.8	47.9	39.1	39.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,584**	**2,415**	**2,398**	**2,205**	**2,358**
Nợ ngắn hạn	**1,541**	**1,341**	**1,380**	**1,301**	**1,562**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	983	831	833	882	1,041
Phải trả người bán ngắn hạn	362	331	285	229	303
Nợ dài hạn	1,043	1,073	1,018	904	796
Vay và nợ thuê dài hạn	1,043	1,073	1,018	904	796
Nguồn vốn chủ sở hữu	**908**	**926**	**912**	**929**	**951**
Vốn chủ sở hữu	**903**	**921**	**907**	**925**	**947**
Vốn điều lệ	367	367	367	367	367
Kinh phí và quỹ khác	4.86	4.66	4.45	4.25	4.05

(Nguồn: fireant.vn)